



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 25759
VEWL.# 031367
I-171 : Yes, No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRẦN MINH CÔNG
Last Middle First
- Current Address 133/Y/290 TÔ HIÊN THÀNH, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH
- Date of Birth 4/13/1933 Place of Birth HUE, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT COLONEL
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/14/75 To 10/16/87
3. SPONSOR'S NAME: TRẦN, TIẾN MÔNG KIỀU
Name
- HOUSTON, TX 77081
Address & Telephone 713-779-1011
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>TRAN, THANG MINH</u> | <u>SON</u> |
| <u>AUSTIN, TEXAS 78741</u> | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 3/8/1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRAN, CONG MINH
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGOC ANH	4-11-51	SECOND WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	12-8-71	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	6-27-73	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CATU	7-15-74	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
Mẫu Đơn Về Lý Lịch

Hồ sơ lý lịch

Re: Lt. Colonel Trần Minh Công

Số 11/31/85
Thẻ 2/6/85

NAME (TÊN) : TRAN MINH CONG
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 4 13 1933
(NĂM, NƠI SINH ĐÈ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ):

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình): X
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : 133/Y/296 TÔ HIẾN THÀNH
(Địa chỉ tại VN) : QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không): Yes (Có) X No (Không):
: If yes (Nếu Có): From (Từ): AUG 75 To (Đến): PRESENT

PLACE OF RE-EDUCATION: ĐỘI 27 TRẠI Z 30C, HẠM TÂN, THUẬN HẢI
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp):

EDUCATION IN U.S. : CERTIFICATES OF BATTERY OFFICER COURSE, CI AND SPECIAL FORCES,
(DU HỌC TẠI MỸ) AND ASSOCIATE OFFICER CAREER COURSE
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): LIEUTENANT COLONEL

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): N/A Date (Năm):

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): X IV Number (số hồ sơ): 25759 No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 5
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 133/Y/296 TÔ HIẾN THÀNH
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : TRAN MONG KIEU TIEN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trò) : ARLINGTON, TX 76010

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): YES No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): DAUGHTER
NUMBER 11699906

NAME AND SIGNATURE : TRAN MONG KIEU TIEN Tien Tran
ADDRESS OF INFORMANT (Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, ĐT của người điền đơn này) : ARLINGTON, TX 76010

DATE : JAN. 17, 85

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): TRAN MINH CONG
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
	MO/DAY/YEAR	
TRAN NGUYEN LOC	2-8-68	SON
NGUYEN THI NGOC ANH	4-11-51	SECOND WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	12-8-71	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	6-27-73	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CHAU	7-15-74	DAUGHTER

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

Hồ sơ lý lịch
 Trần Minh Công.

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN MINH CÔNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 4 13 1933
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh):
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
 (Dia chi tai Viet-Nam) QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) No (Khong)
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6/14/75 To (Den): 10/16/87

PLACE OF RE-EDUCATION: ĐỘI 27 TRẠI 230C, HẠM TÂN, THUẬN HẢI
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LIEUTENANT COLONEL IN VN ARMY

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): CERTIFICATES OF BATTERY OFFICER COURSE, CI, etc.
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT COLONEL
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
 IV Number (So ho so): 25759
 No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
TRẦN, TIỀN MÔNG KIỆU
HOUSTON, TEXAS 77081

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): DAUGHTER

NAME & SIGNATURE: TRAN, TIEN MONG KIEU Tien Tran
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: MARCH 08 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRẦN CÔNG MINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGOC ANH	4-11-51	SECOND WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	12-8-71	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	6-27-73	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CHAU	7-15-74	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

I SENT THIS INFORMATION ON THE SAME FORM
TO THE ASSOCIATION ON JAN. 17, 1985.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

Hồ sơ hồ tước
Trần Minh Công

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN MINH CÔNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 4 13 1933
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
(Dia chi tai Viet-Nam) QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 5/12/55 To (Den): 5/10/88

PLACE OF RE-EDUCATION: ĐỘI 27 TRẠI 230C, HẠM TÂN, THUẬN HẢI
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghề nghiệp): LIEUTENANT COLONEL IN VN ARMY

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): CERTIFICATES OF BATTERY OFFICER COURSE, CI, etc.
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT COLONEL
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 25759
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDI) nguai di theo): 4
lap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS 1 Khien
Xen ac tai VN): 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF en va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
1 MÔNG KIỀU

HOUSTON, TEXAS 77081
U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): DAUGHTER

NAME & SIGNATURE: TRAN TIEN MONG KIEU Tran
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) _____

DATE: MARCH 08 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

USA
22



frilled Dogwinkle

To: TIEN TRAN

HOUSTON, TX 77081

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

Hồ sơ bổ túc
Trần Minh Công

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN MINH CÔNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 4 13 1933
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
(Dia chi tai Viet-Nam) QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 6/14/75 To (Den): 10/16/87

PLACE OF RE-EDUCATION: ĐỘI 27 TRẠI 230C, HẠM TÂN, THUẬN HẢI
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LIEUTENANT COLONEL IN VN ARMY

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): CERTIFICATES OF BATTERY OFFICER COURSE, CI, etc.

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): LIEUTENANT COLONEL

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 25759
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH
QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
TRẦN, TIẾN MÔNG KIỀU
HOUSTON, TEXAS 77081

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): DAUGHTER

NAME & SIGNATURE: TRAN, TIEN MONG KIEU Tien Tran

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: MARCH 08 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRẦN CÔNG MINH
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGOC ANH	4-11-51	SECOND WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	12-8-71	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	6-27-73	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CHAU	7-15-74	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

I SENT THIS INFORMATION ON THE SAME FORM
 TO THE ASSOCIATION ON JAN. 17, 1985.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 25759

VEWL.# 031367

I-171 : Yes, No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRẦN MINH CÔNG
Last Middle First
Current Address 133/Y/290 TÔ HIẾN THÀNH, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH.
Date of Birth 4/13/1933 Place of Birth HUE, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) LIEUTENANT COLONEL
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/14/75 To 10/16/87

3. SPONSOR'S NAME: TRẦN, TIẾN MÔNG KIỀU
Name

HOUSTON, TX 77081
Address & Telephone 713-779-1011

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRAN, THANG MINH</u>	<u>SON</u>
<u>AUSTIN, TEXAS 78741</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 3/8/1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TRAN, CONG MINH
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGOC ANH	4-11-51	SECOND WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	12-8-71	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	6-27-73	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CATU	7-15-74	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION :

UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

Room 6A21 Federal Building
1100 Commerce Street
Dallas, TX 75242

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

TIEN MONG KIEU TRAN

ARLINGTON, TEXAS 76013

NAME OF BENEFICIARY	
TRAN, CONG MINH	
CLASSIFICATION	FILE NO.
201(b)	
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
9-19-83	9-19-83

DATE: **9-19-83**

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.
8. REMARKS.


 VERY TRULY YOURS
 WILLIAM J. CHAMBERS
 DISTRICT DIRECTOR



Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

July 12, 1985

To Whom It May Concern:

TRẦN MINH CÔNG

born 13 April 1933 (IV 25759)

Residing at:

133/Y/296 Tô Hiến Thành
Q. 10
T.P. Hồ Chí Minh
Vietnam

Sứ Quán Hoa Kỳ cho phép những người có tên trên đây di Bangkok, Thai-lan, để nộp đơn tại Sứ Quán Mỹ để sang Hoa Kỳ, với điều kiện họ được khám sức khỏe tại Việt Nam, và được phỏng vấn qua đại diện Cao Ủy Liên Hiệp Quốc Đặc Trách Ty Nạn (UNHCR). Chúng tôi yêu cầu giới thẩm quyền cấp cho họ Giấy Xuất Cảnh cũng những giấy tờ cần thiết để rời Việt Nam. /The American Embassy gives permission for the above persons to come to Bangkok, Thailand to make application at this Embassy to go to the United States, provided that they have a medical examination in Vietnam and an interview by a representative of the United Nations High Commissioner for Refugees (UNHCR). We request the authorities to issue Exit Permits and the necessary documents to leave Vietnam.

Những người kể trên đã được UNHCR đề nghị tới thẩm quyền Việt Nam theo Danh Sách Chiếu Khán Nhập Cảnh Hoa Kỳ, số/The names above have been submitted to the Vietnamese authorities by the UNHCR on the American Visa Entry Working List, serial number 031367.

Sincerely,


Richard C. Dunbar, Acting
Director
Orderly Departure Program

ODP:RCD

Cat I/IV:PT/sp



Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

July 12, 1985

To Whom It May Concern:

NGUYEN THI NGOC ANH	born	11 April	1951	(IV 25759)
TRAN NGUYEN LOC	born	08 February	1968	"
TRAN MINH LAN PHUONG	born	08 December	1971	"
TRAN MINH HOAI ANH	born	27 June	1973	"
TRAN MINH TRAN CHAU	born	15 July	1974	"

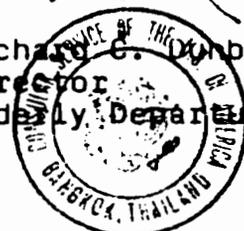
Residing at: 133/Y/296 To Hien Thanh
Q. 10
T.P. Ho Chi Minh
Vietnam

Su Quan Hoa Ky cho phep nhung nguoi co ten tren day di Bangkok, Thai-lan, de nop don tai Su Quan My de sang Hoa Ky, voi dieu kien ho duoc kham suc khoe tai Viet Nam, va duoc phong van qua dai dien Cao Uy Lien Hiep Quoc Dac Trach Ty Nan (UNHCR). Chung toi yeu cau gioi tham quyen cap cho ho Giay Xuat Canh cung nhung giay to can thiet de roi Viet Nam./The American Embassy gives permission for the above persons to come to Bangkok, Thailand to make application at this Embassy to go to the United States, provided that they have a medical examination in Vietnam and an interview by a representative of the United Nations High Commissioner for Refugees (UNHCR). We request the authorities to issue Exit Permits and the necessary documents to leave Vietnam.

Nhung nguoi ke tren da duoc UNHCR de nghi toi tham quyen Viet Nam theo Danh Sach Chieu Khan Nhap Canh Hoa Ky, so/The names above have been submitted to the Vietnamese authorities by the UNHCR on the American Visa Entry Working List, serial number 031367.

Sincerely,


Richard G. O'Bar, Acting
Director
Orderly Departure Program



ODP:RCD

Cat I/IV:PT/sp

DEC 0 1987



To: Ms. KHUC MINH T#0
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

TRAN MINH CONG
133/Y/296 TÔ HIẾN THÀNH
QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH
VN

THANG TRAN
4821 E. RIVERSIDE #117
AUSTIN, TX 78741

VN ngày 12 Nov 1987

Kg Chi KHUẾ MINH THO

PO. Box 5435

ARLINGTON VA 22205-0635
USA

(Telephone

Kính thưa Chi

Tôi là TM Công, bạn thân của anh Ngô Đức An, đi học tập từ ngày 14, 6, 75 và mới được thả về ngày 1, 11, 87 theo QĐ số 42 của Bộ Nội Vụ ký ngày 10, 10, 87 và giấy ra trại số 264 GR1 ngày 1, 11, 87 có bản photo copy tính kê về nhà chi logiúp có danh sách ưu tiên xin đoàn tụ gia đình. Tôi và gia đình còn lại ở VN gồm vợ và 3 con gái đã có hộ sơ báo lãnh IV 25759 ngày July 12, 1985 + USCC No 66364 ODP File No 25759 + UNHCR on the American Visa ENTRY WORKING List Serial No 031367 do con gái tôi báo lãnh là Trần Mộng Kiều TIÊN (TIÊN TRẦN) Kỹ sư Hóa học -

ARLINGTON, TX 76013, date of approval of Petition 9-19-1983 gửi Cục Bangkok cũng ngày - Tôi hiện có 6 đứa con lớn là quốc tịch Hoa Kỳ đang ở TEXAS, con

trai lớn nhất của tôi là Trần Minh Thắng,
Master of science EE hiện ở
Austin - TX 78741

Đề xin chỉ liên lạc nếu cần thông báo gì
về tôi hay bổ túc hồ sơ nếu thiếu.

Cho đến nay bên này tôi và gia đình
chưa gặp được hồ sơ gì cả mặc dù có
đủ IV vì không ai nhận bởi lý do vì
tôi đi học tập chưa về ODP tổng của
2 năm này - bây giờ tôi đã được tha
về này như cũ. Các bạn sao IV
và LOI giờ này khó khăn nên tôi chỉ
gửi 1 giấy ra hai tuần còn lại xin chỉ
cố gắng lạc với con tôi để con tôi gửi
thêm chỉ cần chỉ cần cho đủ.
Tôi xin nói thêm lý lẽ để to be
sure mọi chi tiết cho chỉ để giúp đỡ
thân tôi hơn :

Name Trần Minh Công
Rank Lieutenant Colonel
Job 48th Regiment Commander
of the 18th INF Div.

SU 53,200216
Birth of date 13 April 1933
Vợ tôi là Nguyễn Thị Ngọc Anh
born 11 April 1951

con gái là
Trần Minh Lạc Phương born 8,12,71
" Hoài Anh - 27,6,1973
" Trần Châu - 15,7,1974
(IV 25759)

Đó là tất cả vấn đề nếu ai giúp đỡ
thì này sẽ do con tôi bên đó chuyển
đến chỉ với many thanks!

Tôi xin khai thâu với chỉ là tôi đã học
học Hoakry như sau (có đề làm đề
dịch hồ sơ không chỉ như ?)

Năm 1959 tại trường ARTY and
Missile School Fort Sill, OKLA
Năm 1963 tại trường Airborne and
SF School Ft Bragg, NC.

Năm 1966 tại trường INF school
Fort Benning - Georgia.

Tôi có 2 US decoration :

- 1 Army Commendation 1959
- 1 Bronze Star with "V" 1972

Đấy từ chưa chỉ thể ? Mong rằng
thứ này đến tay chỉ sớm và không
bị thất lạc ! Nhờ vả lời khi nhận
như chỉ !

Bây giờ xin tạm tính chỉ em.
Anh Xếp anh chưa có tên về kỳ này,
chỉ hy vọng ! Lâu lâu tôi ghé gặp anh
thôi. Có loan về xuất viện, giải
phẫu cực buồn ở cô và khỏe thì về
tôi và các cháu xin có lời thăm chỉ
và hẹn ASAP mời chỉ đi ăn cơm tối
ở China Town.

Lưu này những thư từ khi
về lâu mau và để đây, tặng mừng,

không bị quan thuế ở địa phương như
trước nữa đời sống xã hội cũng dễ
thích đi có vấn đề - không thể khác hẳn
chẳng ai có tiền ngoài việc là sống
vấn đề vùng.

Thời gian tôi xa nhà đúng 12
năm 4 tháng 18 ngày, chỉ thấy
không khác xưa.

Tôi ở Chung, hai vợ anh
AM lúc ở ngoài Bắc, ăn chung 3
năm ở Hà Nam Ninh với nhau, tôi
có gặp vợ anh ấy đôi lần nhưng anh
ấy về trước lâu rồi nên chưa gặp lại.

Thôi đi thôi nhé! Nhờ chị
giúp đỡ và xin chị thành công,
vui mừng. Hẹn có ngày được gặp
lại chị -

Thân mến

Long

không bị gran thuê ở địa phương như
trước nữa đời sống xã hội cũng dễ
biết đi cá vãn xe-konkete khác khác
chומר அரசு trên ngoại viện là sống
vãn đi vãng

đến gần tới xa nhà đúng 12
năm 4 tháng 18 ngày, đi thay
không biết chưa

Tôi ở Chung, hai vợ anh
AM lúc ở ngoại Bắc, anh Chung 3
năm ở Hà Nam Ninh với nhau, tôi
có gặp ở anh ấy đôi lần nhưng anh
ấy ở đâu lâu rồi nên chưa gặp lại.
Mất đi rồi! Nhờ chị
giúp đỡ và xin được chị thanh công,
vui mừng. Hẹn có ngày được gặp
lại chị -

Thân mến
Ung

VN ngày 12 Nov 1987
Kg Chi KHUẾ MINH THO
PO. Box 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
USA

(Telephone)

Kính thưa Chị,
Tôi là TH Công, bạn thân của
anh Ngô Đức An, đi học tập từ ngày
14/6/75 và mới được thả về ngày
1/11/87 theo QĐ số 42 của Bộ Nội
Vụ ký ngày 15/10/87 và gửi ra trại
số 264 GRT ngày 1/11/87 có bản photo
copy tính Kame xe nhờ chị logistics có
đơn sách ưu tiên xin đoàn từ gia đình.
Tôi và gia đình còn lại 2 VN gồm vợ và
3 con gái đã có hồ sơ báo lãnh IV 25759
ngày July 12, 1985 + USCC No 66364
ODP File No 25759 + UNHCR on the
American Visa ENTRY WORKING List
Serial No 031367 do con gái tôi báo lãnh
là Trần Mông Kiều TIÊN (TIÊN TRẦN)
Kỹ sư Hóa Học -
ARLINGTON, TX 76013, date of approval
of Petition 9-19-1983 gửi cho Bangkok
cùng ngày - Tôi hiện có 6 đứa con lớn
là quốc tịch Hoa Kỳ đang ở TEXAS, con

trai lớn nhất và tôi là Trần Minh Thắng,
Master of Science EE kiến ở
Austin - TX 78741

Xin chỉ liên lạc nếu cần thông báo gì
và tôi hay bỏ thư hồ sơ nếu thiếu.

Chào đến nay bên này tôi và gia đình
chưa gặp được hồ sơ gì cả mặc dù có
đi IV vì không ai nhận bởi lý do vì
tôi đi học tập chưa về ODP tổng của
2 năm này - bây giờ tôi đã được thả
về và vẫn phải đi như cũ. Các bạn sao IV
và Lữ Đoàn này khá khấm nên tôi đi
gửi 1 giấy ra hai thôn còn lại xin đi
cứ liên lạc với con tôi để con tôi gửi
thăm gia đình nếu cần cho đi
Tôi xin nói trước lý lịch để to be
sure mọi chi tiết cho chi để giúp đỡ
thần tại hơn:

Name Trần Minh Công
Rank Lieutenant Colonel
Job 48th Regiment Commander
of the 18th INF Div.

SU 53/200216

Birth of late 13 April 1933

vợ tôi là Nguyễn Thị Ngọc Anh

born 11 April 1951

con gái là

Trần Minh Lạc Phương born 8, 12, 71

Flora Anh - 27, 5, 1973

Trần Châu - 15, 7, 1974

(IV 25759)

Đó là tất cả vấn đề nếu cần giúp đỡ,
thứ này sẽ do con tôi bên đó chuyển
đến địa chỉ với many thanks!

Tôi xin khai thâu với địa chỉ là tôi đã học
học Hoakky như sau (có đề làm đi
địa chỉ hồ sơ không địa chỉ?) :

Năm 1959 tại trường ARTS and
Missile School Fort Sill, OKLA
Năm 1963 tại trường AIRBORNE and
SF School FT Bragg, NC.

Năm 1966 tại trường INF School
Fort Benning - Georgia.

Tôi có 2 US decoration:

- 1 Army Commendation 1969

- 1 Bronze Star with "V" 1972

Đấy đủ chưa địa chỉ? Mong rằng
thứ này đến tay địa chỉ sớm và không
bị thất lạc! Nhờ vả lời khi nhận
lê địa!

Bây giờ xin tạm tính địa chỉ.
Anh Xếp Xếp chưa có tên về kỳ này,
địa chỉ xong! Lâu lâu tôi ghé gặp anh
Hữu. Cô Loan vừa xuất viện, giải
phẫu cực đau ở cổ và khỏe hơn và
tôi và các cháu xin có lời thăm chi
và hẹn ASAP mời chi đi ăn cơm tối
ở China Town.

Lời này những thư đưa khi
về lâu mau và để đặng, sáng mừng,

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001 QĐ.10, ban hành theo công văn số 2545 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Thủ Đức,**

Bức lâu - tư duy - hạnh phúc

Số ~~264~~ **CRI**



01510

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966 BCA TT ngày 31/5/1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành an dân, quyết định của số **42** ngày **16** tháng **10** năm **1987**

ở **Bộ Nội Vụ.**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Trần Minh Công.**

Sinh năm 19**33**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Bình Trị Thiên.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **133/X/296 Tô, Hiến Thành, Quận 10**

TP: Hồ Chí Minh.

Đơn vị **Trung tá trung đoàn trưởng bộ binh.**

Bắt ngày **14-6-1975**

Án phạt **TTQT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị, từng án _____ (n), cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ (n), cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **133/X/296 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP: Hồ Chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại Anh Công đã cố gắng, trong lao động học tập và chấp hành nội quy trại có tiến bộ.

Điền đi không để cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Trường sự phê trình diện tại UBND Phường, xã: **Hồi cư trú.**

3 tháng **11** năm **1987**

Lý _____ **Công.**

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Trần Minh Công

Ngày _____ tháng _____ năm 19 **87**



Chức vụ
Đơn vị
Lập tại



RECEIVED
APR 24 1985
50 + Lord
4/27/85

Cố kỹ - Sĩ Hoàng
ODP
Mười D

Sài Gòn ngày 18-11-1984

Thư gửi: Bà KHUẾ MINH THỜI,
Chủ tịch Hội Gia đình Tự thân
CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.

Kính thưa Bà,

Tôi tên là NGUYỄN THỊ NGỌC ANH
sinh năm 1951; hiện đang cư trú tại
133/4/296 Tô Hiến Thành - Fg 24 - Q 10
TP. Hồ Chí Minh, Nam Việt Nam - tình cờ
có người quen cho biết địa chỉ của Bà
tôi mạo phép viết đơn này xin gửi đến
quý Hội do Bà làm chủ. Nhờ được
giúp đỡ cho gia đình tôi được xin
Đình cư tại Hoa Kỳ. Chồng tôi tên là
Tôn-minh công sinh năm 1933 - tại
Huế. Ông phục vụ cho quân đội Sài Gòn
cũ. Cấp bậc cuối cùng: Trung tá
chức vụ = Trung đoàn trưởng Trung đoàn
48 Sư đoàn 18 Bộ Binh. Ngày 15-6-75
Ông đã tình nguyện đi học tập cải tạo
cho đến nay vẫn chưa được phóng thích
Tôi làm đơn này kính đôn quý Hội

Kèm theo tờ đơn này tôi gửi kèm

- 1 bản hồ sơ

- 5 bản khai oms và hình ảnh của
mỗi người.

- bản photo tờ khai gia đình ai.

Tôi xin đại diện gia đình gửi đến Bà
lòng biết ơn. Tôi mong nhân lực của
Bà để biết phải làm thêm gì để được
nhanh chóng xin được giấy tờ nhập
cảnh Hoa Kỳ.

Kính đơn.

Trân trọng

Nguyễn Thị
Nguyễn Thị

* đính kèm =

1 đơn xin gửi cho ODP.
nếu không cần thiết xin
Bà chuyên giúp qua
địa chỉ (văn đại sứ Mỹ - Thailand).

RECEIVED
DEC 21 1984

Saigon 8/12.1984.

- Thư
- Số
- card
Chữ lils bộ sưu
12/23/84

Chị thơ kính mến,
Hôm trước các tây gần 18 này em có
gửi cho chị 1 đờn và máy to + kính
ảnh theo địa chỉ của chị. Hôm nay
em gửi thơ này đến địa chỉ riêng của
chị kính mong chị thông báo giúp em
để được tốt qua. Xin chị thông cảm và
giúp đỡ chúng em trong lúc này, sorry
không có hy vọng và lời thoát.
Chị kính mến, chồng em tên là
Trần Minh Công hiện nay đang học tập
chung 1 trại với 2 ông Hùng + Xét. Hôm
qua em gặp cô Loan con ông Xét em
có kể cho cô ấy nghe về hỏi do
chị làm chủ trại. Cô ấy mừng lắm
mời bên cho em địa chỉ của nhà
riêng chị. Chị có cần gì mau chóng
giúp đỡ chúng em xin được định cư
tại Hoa Kỳ. Em vừa ở thăm nhà em
về anh ấy nói trước anh có 1 thời
gian ở chung với anh N&O Đ&E AM
& anh cũng rất thân nhau. Chúng em
có gửi nhiều đơn đến 131, Thailand mà

Đã copy & gửi sách 2/22/85

Không nhận được thư trả lời od le bi, lae.
mất kết. Vậy xin chị khi nhận được
thư này, chỉ có gắng trong khả năng
giúp đỡ chúng em với. Em có kèm 1
đơn nếu hội của chị giữ lại còn
không thì chị chuyển giúp em tới một
cần thiết. Thừa dịp, hiện nay - em
có 1 grăy tờ nào của nhà em vô đũa
thất lạc từ năm 1975. ngay lúc ở
mặt trận - xin chị xác minh lý lịch của
anh ấy qua ông Hùng + kết và giúp đỡ
chúng em với.

Em vẫn rất vui hăng và em mong
mọi trả lời của chị để khỏi gọi thêm
mữa. Về cần những grăy tờ như khai
sinh + hình ảnh xin chị liên lạc với
người nhà em ở Mỹ qua địa chỉ sau -

TIEN TRAN - 2016 WILLOW POINT DR #2019
ARLINGTON, TEXAS - 76010 - USA.

Em chúc chị vui khỏe, nhận thư
em chị trả lời rất tốt cho em khỏi
trông.

Kính thư



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 18-12-1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name / Họ, tên : NGUYEN THU NGOC ANH Sex: F / Phái _____
2. Other Names / Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : 11-4-1954 - BIENHUA PROV, SOUTH VIETNAM
4. Residence Address / Địa-chỉ thường-trú : 133/4/296 Tô Hiến Thành - F 24 - Q10 - TP. HO CHI MINH - SOUTH VIETNAM
5. Mailing Address / Địa-chỉ thư-tử : 133/4/296 Tô Hiến Thành - F 24 - Q10 - TP - HỒ CHI MINH - SOUTH VIETNAM
6. Current Occupation / Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name / Họ, Tên	Date of Birth / Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth / Nơi sinh	Sex / Phái	MS / Tình trạng gia đình	Relationship / Liên-hệ gia-đình
1. TRAN MINH CONG	13-4-1933	HUE	(M)	(M)	my husband
2. TRAN MINH LAN PHUONG	8-12-1974	(ONG KHANH)	(F)	(S)	my daughter
3. TRAN MINH HOAI ANH	25-6-1973	SAIGON	(F)	(S)	my daughter
4. TRAN MINH TRAM CHAU	15-7-1974	BIENHUA	(F)	(S)	my daughter
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	TIEN-TRAN
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	ARLINGTON, TX, 76010 USA
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	25-9-1975
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYEN VAN PHUOC (Dead)
2. Mother
Mẹ : TRAN THI MY (Living)
3. Spouse
Vợ/Chồng: TRAN MINH CONG
4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):
5. Children
Con cái:
 - (1) TRAN MINH LAN PHUONG
 - (2) TRAN MINH HOAI ANH
 - (3) TRAN MINH TRAN CRAU
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
6. Siblings
Anh chị em:
 - (1)
 - (2)
 - (3)
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vân Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award: MEPDL US - ARMY COMM Date received: 1970
Phân-thưởng hoặc giấy khen: BADNRE STAR WITH V Ngày nhận: 1972

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-băng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: TRAN MINH CONG

2. School and School Address:
Trường và địa-chỉ nhà trường:

4/ course BOC 1959-1960 at Fort-Sill OKLA
4/ 2WC - 1961 at MALAYSEA

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From 7/ 67 - 1963 at Fort-Bragg - NC

To: 4/ 1960 at Fort BENNING GA,

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

1960 -

REFRESHER TRAINING

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-băng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: TRAN MINH CONG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To: 15-6-1975

To:

To: _____

3. Still in Reeducation?*

Yes

YES

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

All the papers concerning to his service with
GVN ARMY were completely destroyed. He is still
in reeducation at HAM TAN - PRV Camp 230C #2
THUAN HAI.

Signature

Ký-tên:

Boke

Date

Ngày:

8/12-1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By/You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: TRAN MINH CONG

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 25-11-1953 Đến 30-4-1975

3. Last Rank Cấp-bậc cuối-cùng Lieutenant Colonel Serial Number: 53/200.216
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung Regiment Commander of 48th Regiment / 18th Infantry Division

5. Name of Supervisor/C.O. Họ tên người giám-thị/sĩ-quân chỉ-huy: Brigadier-General LE MINH DAO

NGUYEN T. NGOC ANH

133/4 1296 Tô Hiến Thành

Qu. TP. Hồ Chí Minh

South Vietnam



NGUYEN MINH THU

Falls Church VA 22043

USA

WE AIR MAIL PARAVION

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THỨ

Lập ngày 18 tháng 02 năm 19 75

Quận 10

PHƯỜNG

Số hiệu

ĐÃ THU LỆ PHÍ

MIỄN LỆ - PHÍ
Để lập Hộ - Sơ Quân-Đội

Tên họ chồng	Trần Minh - Công	
Ngày và nơi sanh	Sanh ngày 13.04.1933 tại Huế	
Tên họ cha chồng	Trần van Chết	(Sống/Chết)
Tên họ mẹ chồng	Nguyễn Thị Hải	(Sống/Chết)
Tên họ vợ	Nguyễn Thị Ngọc-Anh	
Ngày và nơi sanh	Sanh ngày 11.04.1951 tại Biên-Hòa	
Tên họ cha vợ	Nguyễn Văn- phước	(Sống/Chết)
Tên họ mẹ vợ	Trần Thị - My	(Sống/Chết)
Ngày lập hôn-thứ	15 - 02 - 1975	
Có lập hôn khê không		

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH
Xuất trình tại U.B.N.Đ/G.10
(CÁN SỞ LẠI KHÍ THU ĐẢM ĐẠO)

TR. HỒ Chí Minh ngày 17 tháng 02 năm 1975



PHÓ VẤN PHÒNG



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 18 tháng 02 năm 19 75

Viên-Chức Hộ-Tịch

[Signature]
VÔ-TẤN-THỌ

TÒA SƠ-THẨM

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA SƠ-THẨM SAIGON

SAIGON

PHÒNG LỤC-SỰ

Ngày 04 tháng 03 năm 19 75

Tòa Sơ-Thẩm Saigon xử về việc

Số 5003/ND

Hộ trong phiên nhóm công khai

Ấn thể-vi khai-sanh cho

ngày 04 tháng 03 năm 19 75

về mặt các Ông:

Số SY/Trần-Minh-Lan-Phuong

Chánh-Ấn: HOANG TUAN LOC

Biện-Lý: LƯƠNG ĐỨC HỢP

Lục-Sự: TRAN VĂN ANH



CHỨNG NHẬN Giọng Ý Bản Chánh
Xuất trình tại U.B.N.Đ/G.Đ
(CÁN SỞ LẠI KHÍ THU BẢN ĐỒ)
TÊN CHỨC MIỆNG NGÀY 12 THÁNG 01 NĂM 1974



Ấn tuyên bản án như sau:

BẢN ÁN — TÒA ÁN

Đơn của Trần Minh Công

BỜI CÁC LỄ ẤY:

Phán rằng : Trần-minh-Lan-Phuong, nữ, sanh ngày tám, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (08-12-1971) tại Gia-Ray, Long-Khánh, con của Trần-Minh-Công và Nguyễn-thị-Ngọc-Ánh./-

Phán rằng án này, thể-vi khai-sanh cho trẻ ấy
truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Gia-Ray, Long-Khánh

và lục-biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày 08-12-1971
sưu-trữ tại nơi kể trên

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-đơn chừa án-phi

Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.

Ký tên: HOANG TUAN LOC TRAN VĂN ANH

Trước-hạ tại F-3 SAIGON ngày 11-03-1975

Quyền 75 Tờ 16 Số 664.83

Thâu 2405

GIA TIỀN	
Chi phí...	50 \$ 00
Bảng...	3 00
Biện-lý...	1 \$ 00
Công chứng	50 4 00

TH. 2

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
SAIGON, ngày 29 tháng 03 năm 1975
CHÍNH LỤC-SỰ.



TRẦN VĂN TY

TÒA SƠ-THẨM
SAIGON

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA SƠ-THẨM SAIGON

Ngày 04 tháng 03 năm 1975

Tòa Sơ-Thẩm Saigon xử về việc

Số 5001/NĐ

Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 04 tháng 03 năm 1975

Án thế-vi khai-sanh cho

có mặt các Ông:

Trần-Minh-Trần-Châu

Chánh-Án: HOANG TUAN LOC

Biện-Lý : LUONG DUC HOP

Lục-Sự : TRAN VAN ANH

Số 5001/SY/6

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại U.B.N.Đ./Q.Đ

(CĂN SỞ LẠI KHÍ THU BẢN BÁO)

TR 215 chỉ Minh ngày 17 tháng 07 năm 1975

TL/UBKD/Q.Đ đã tuyên bản án như sau:

CHÁNH VI

BẢN ÁN — TÒA ÁN

CHÁNH VI PHÒNG

Trần Minh Công

BỞI CÁC LÊ ẤY:



Phán rằng: Trần Minh Trần Châu, nữ, sanh ngày mười lăm tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (15-07-1974) tại xã Phát-Triển, Bình-Trước, Biên-Hòa, con của Trần-Minh-Công và Nguyễn-thị-Ngọc-Ánh./-



Phán rằng án này, thế-vi khai-sanh cho trẻ ấy
Truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Bình-Trước, Biên-Hòa

và lược-biên án này vào hồ sơ khai-sanh gần như ngày 15-07-1974
lưu-trữ tại nơi kể trên

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-đơn chịu án-phí

Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.

Ký tên: HOANG TUAN LOC TRAN VAN ANH

Trước-bạ tại F-3 SAIGON ngày 11-03-1975

Quyền 75 Từ 16 Số 662.83

Thầu 240\$

GIÁ TIỀN	
Con niêm...	50 \$ 00
Bổng lộc...	5 \$ 00
Biên-lai...	1 \$ 00
Cộng chung	56 \$ 00

TH

TRÍCH Y BẢN CHÁNH
SAIGON, ngày 04 tháng 03 năm 1975
CHÁNH LỤC-SỰ.



HUY-VĂN-TY

TÒA SƠ-THẨM

SAIGON

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA SƠ-THẨM SAIGON

PHÒNG LỤC-SỰ

Ngày 04 tháng 03 năm 19 75

Tòa Sơ-Thẩm Saigon xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 04 tháng 03 năm 19 75
có mặt các Ông:

Số 5002/ND

Án thế-vi khai-sanh cho

Trần Minh-Hoài-Anh

Số...
CHỨNG NHẬN Giảng Y Rèn Luyện
Xuất trình tại U.B.N.D./Q.10
(CĂN SỞ LẠI KHI THU BẮN SẠO)
RHS chỉ Minh ngày 17 tháng 27 năm 198...
TL/UBND/Q.10

Chánh-Án: HOANG TUAN LOC
Biện-Lý : LƯƠNG ĐUC HOP
Lục-Sự : TRẦN-VĂN-ANH



BẢN ÁN - TÒA ÁN

Châu đơn của Trần Minh Công

BỞI CÁC LỄ ÁY:

CHÍNH LỤC-SỰ

Trần minh Hoài Anh, nữ, sanh ngày hai mươi bảy
tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba,
(27-06-1973) tại Quận 3 Saigon, con của Trần-
Minh-Công và Nguyễn-thị-Ngọc-Ánh./-



Phán rằng án này, thế-vi khai-sanh cho trẻ Áy
Truyền ghi đoạn phán-quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên
Quận 3 Saigon

và lược-biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày 27-06-1973
lưu-trữ tại nơi kể trên

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

Truyền nguyên-đơn chủ Án-phi
Án này thảo, thẩm và tuyên vào ngày, tháng và năm ghi trên.
Ký tên: HOANG TUAN LOC TRAN VĂN ANH.

Trước-bạ tại P-3 Saigon ngày 11-03-1975
Quyền 75 Tỷ 16 Số 663.83
Thâu 240\$

GIÁ TIỀN	
Cou niêm...	50 \$ 00
Bông lợc...	5 \$ 00
Biên-lai...	1 \$ 00
Cộng chung	56 \$ 00

TH 3

SAIGON, ngày 20 tháng 03 năm 1975



NAISSANCE

26 11 50



BỮA NƠI - LIQUANT

Tên Nguyễn Thị Ngọc Ánh con gái
 Nom NGUYEN THI NGOC ANH
 Sinh ngày một một tháng Tu năm một một
 Sexe con gái
 Tại Số 2 Bính Sơn (Long Thành)
 A

CON CỦA - FILIATION

Cha Nguyễn Văn Phức
 Le père NGUYEN VAN PHUC
 Nghề Làm ruộng
 Profession Làm ruộng
 Trú tại Số 2 Bính Sơn (Long Thành)
 Domicile Số 2 Bính Sơn (Long Thành)
 Mẹ Trần Thị Mỹ
 La mère TRAN THI MY
 Nghề Làm ruộng
 Profession Làm ruộng
 Trú tại Số 2 Bính Sơn (Long Thành)
 Domicile Số 2 Bính Sơn (Long Thành)
 Vu (chánh hay thờ) Đã - chôn
 Son rang de femme Đã - chôn

NGƯỜI KHAI - LE DECLARANT

Lập theo lời khai của: - dressé sur la déclaration.

Tên Nguyễn Văn Phức
 Nom NGUYEN VAN PHUC
 Tuổi Hai mươi tám tuổi Nghề Làm ruộng
 Age 28 Profession Làm ruộng
 Trú tại Số 2 Bính Sơn
 Domicile Số 2 Bính Sơn

NGƯỜI CHỨNG - LES TEMOINS

Trước mặt: - En présence de:

Tên Nguyễn Văn Nhu
 Nom NGUYEN VAN NHU
 Tuổi Bốn mươi ba tuổi Nghề Điêu khắc
 Age 43 Profession Điêu khắc
 Trú tại Số 2 Bính Sơn
 Domicile Số 2 Bính Sơn
 Tên Đỗ Đình Phấn
 Nom DO DINH PHAN
 Tuổi Hai mươi bảy tuổi Nghề Pha thuốc chữa
 Age 27 Profession Pha thuốc chữa
 Trú tại Số 2 Bính Sơn
 Domicile Số 2 Bính Sơn

BÁ THỤ LỆ PHÍ

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẠN CHANH

Xuất trình tại UBND/Q.10

(CÁN SỞ LẠI KHÍ THỦ ĐƠN BẢO)

TRUNG ƯƠNG NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 1954

UBND/Q.10

A

PHÒNG



Hà Nội
L'Officier de l'État Civil

Chứng:
L'Officier de l'État Civil

Nguyễn Văn Phức
Ký tên

Nguyễn Văn Nhu
Ký tên

Đỗ Đình Phấn
Ký tên

Trích lục y-học hồ sơ bệnh án sinh ngày 16 ngày 11.4.1954.

Lưu an ngày 8.9.1954

Nguyễn Văn Phức

Nguyễn Văn Nhu

Đỗ Đình Phấn

Ký tên

QUAN LONG HANH
 Thị trấn Long Thành, ngày 2/11/54
 K.T. QUAN TRƯỞNG
 PHÓ QUẢN LÝ



QUAN VĂN VINH

chứng nhận

Trích lục y-học hồ sơ bệnh án sinh ngày 16 tháng 4 năm 1954.

Lưu an ngày 8.9.1954

Nguyễn Văn Phức

Nguyễn Văn Nhu

Đỗ Đình Phấn

Ký tên

Nguyễn Văn Phức

Nguyễn Văn Nhu

Đỗ Đình Phấn

Ký tên

Nguyễn Văn Phức

Nguyễn Văn Nhu

Đỗ Đình Phấn

Ký tên

Nguyễn Văn Phức

Nguyễn Văn Nhu

Đỗ Đình Phấn

Ký tên

BỘ TƯ-PHÁP
SỞ TƯ-PHÁP **HUE**
TÒA Hoa-Giai
Số HƯƠNG-THUY
Ngày 27/2/1958.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chứng-chỉ Thẻ vì khai-sanh

của TRẦN-MINH-CÔNG



Năm một nghìn chín trăm năm mươi tám, tháng hai
ngày hai mươi bảy hồi chín giờ.
Trước mặt chúng tôi là TON-THAT-DHU
Chánh-án Tòa Hoa-Giai Quan HƯƠNG-THUY ngồi tại Văn-Phòng
có ông DÔNG-SI-CHUONG lục sự giúp việc.
Có ông, bà TRẦN-MINH-CÔNG, 25 tuổi, nghề nghiệp
Bi-quan QDVN trú tại HAM-GIAO
thẻ kiểm tra số 33A000033 ngày 24/2/1958 do Quan
HƯƠNG-THUY cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục
khai-sanh của TRẦN-MINH-CÔNG sinh ngày muoi
ba tháng Tu năm 1933 tại làng VINH AN
huyện Thành-nai HUE tỉnh THUA THIEN được vì lý
số bộ thất lạc vì chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên kê sau, do y dẫn đến đề lập chứng-chỉ thay thẻ chứng-thu họ-tịch nói trên.

LIÊN BÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN:

- 1°) TRẦN THI, 42 tuổi, nghề Thợ xe đạp
trú tại 203 Duong Ba Song Dong-Ba, Phu Hiep, HUE
thẻ kiểm tra số T. 3302 ngày 7/8/1955 do Quan CS Ta-Ngamp
16A 003551
 - 2°) TRẦN-THI-LIEM, 53 tuổi, nghề Nồi-tre
trú tại nhà 5 Duong Trung-Ba, Phu Qat HUE
thẻ kiểm tra số T. 3302 ngày 7/8/55 do Quan CS Ta-Ngamp
07B. 002508
 - 3°) PHẠM-THI-GRUYEN, 57 tuổi, nghề Buôn Ban
trú tại 31 Phu Gia-Hung, PHU QAT, HUE
thẻ kiểm tra số T. 3302 ngày 7/8/55 do Quan CS Ta-Ngamp
07B. 002491
- Ba nhân chứng trên đây sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337 H.V. HÌNH-LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc họ, đồng cam đoan quả quyết biết chắc tên TRẦN-MINH-CÔNG sinh ngày muoi ba tháng Tu năm một nghìn chín trăm ba mươi ba (13/4/1933) tại làng VINH AN huyện Thành nãi HUE tỉnh THUA THIEN con ông TRẦN VAI QUAT và bà TRẦN THI HAI Hai ông, bà này đi chính thức ký nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy khai sanh nổi trên được vì là số bộ thất lạc vì chiến tranh.

Bởi vậy Ban tòa đang theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H. V. HỘ-LUẬT, lập chứng chỉ thế vì khai-sanh này cho tên TRAN MINH CONG sanh ngày muoi ba tháng TU năm một ngàn chín trăm ba mươi ba (13/4/1933).

tại làng VINH AN huyện Thành nội HUE tỉnh THUA THIEN con ông TRAN VAN CHAT và bà TRAN THI HAI

để cấp cho đương-sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-Sự, DONG-SI-CHUONG

Chánh-án, TON THAI CHU

Những người chứng,

Người đứng xin,

1°) TRAN THI

TRAN MINH CONG

2°) TRAN THI LIEM

3°) PHAM THI CHUYEN

Trước bạ tại HUE

Ngày 1 tháng 3 năm 1958

Quyển 19 tờ 83 số 309

Thầu Miễn thuế

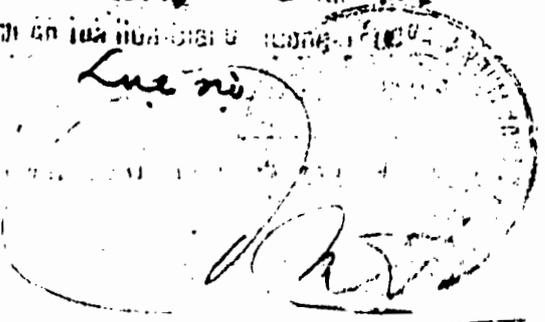
Chủ sự,

Ký tên và đóng dấu

MIỄN THUÊ

Nghị định 1742 S.Đ

Ngày 14/11/1947



Dong Si Chuong

VIỆT - NAM

KIỂM-SOÁT-VIÊN
CỘNG-HÒA-BÌNH-TRƯỚC

(TỈNH) Biên-Hoà

chưa

TỜ KHAI GIA - ĐÌNH

NHÀ SỐ : 98/1 ^{LG = 98/9} (Số cũ = 100/22/40)
 ĐƯỜNG : Quốc lộ 1
 ẤP : Khu 3 KHÓM 21
 XÃ : Phát Triển Bình-Trước
 QUẬN : Đức Tu - Biên Hòa

HỌ VÀ TÊN GIA-TRƯỞNG : NGUYỄN-THỊ-NGỌC-ANH

Biên Hòa, ngày 20 tháng 07 năm 1974

Chứng nhận có cho ở đây
(dành cho tờ khai của gia đình & đơn)
CHỦ NHÀ

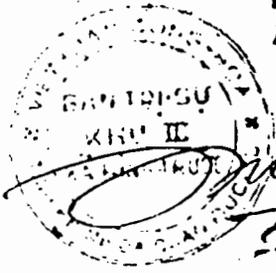
GIA-TRƯỞNG,
(kí tên)

anh

Nguyễn-Thị Ngọc-Anh

KIỂM THỊ :
KIA-TRƯỞNG luu

KIỂM NHẬN :
XÃ-TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Ở dành riêng để đóng dấu phân biệt tờ khai của chủ nhà hay của người & đơn.

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN (Ghi-Trông ghi nước)	Nam hay Nữ	QUỐC TỊCH	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	NGHỀ NGHIỆP	Số, ngày và nơi cấp thẻ căn-cước	Liên hệ với gia trưởng	CƯỚC CHỦ
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	Việt Nam	11/4/1951 Biên Hòa	Nội Trợ	01952661 ngày 28/8/69 Biên Hòa	-Gia- Trưởng	Di chuyển gia- đình từ số nhà 198 Quốc lộ 1 qua
2	Trần Minh Công	Nam	-	13/4/1933 Huế	Quân nhân	02527680 ngày 4/8/69 Bà Xuyên	-Chồng	Ký tên, anh
3	Nguyễn Thị Vui	Nữ	-	1957 Biên Hòa	Học Sinh		Em	
4	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	-	17/5/1960 Biên Hòa	Học Sinh		Em	
5	Trần Minh Lộc	Nam	-	09/8/1969	Học Sinh		Con	
6	Trần Minh Lan Phương	Nữ	-	08/12/71 Long Khánh	-		Con	
7	Trần Minh Hoài Anh	Nữ	-	25/6/1973 Saigon	-		Con	
8	Trần Minh Trân Châu	Nữ	-	15/7/1974 Biên Hòa	-		Con	

~~TRẦN MINH TIẾN
XUẤT QUÂN
TRƯỚC~~

8 (anh)

LỜI CHỈ - DẪN

I. - LẬP TỜ KHAI GIA-ĐÌNH :

Khi cư ngụ ở một nơi quá 3 tháng thì phải lập tờ khai gia-đình Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai gia-đình, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã để kiểm nhận, kèm theo tờ khai hay đổi nơi cư trú.

II. - KHAI THÊM HAY BỚT TÊN TRONG TỜ KHAI GIA-ĐÌNH :

Khi có thêm hay bớt người trong gia đình thì phải khai báo để cập nhật hóa tờ khai gia-đình. Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia-đình, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã để kiểm nhận, kèm theo tờ khai gia-đình (bản mẫu) và các giấy tờ chứng minh (khai sinh, khai tử, tờ khai thay đổi nơi cư trú v.v..)

III. - KHAI TẠM TRÚ TRONG GIA-ĐÌNH :

Khi có thân nhân đến tạm trú trong gia-đình phải khai báo để ghi vào sổ vắng tại.

- Từ 1 đến 30 ngày : Gia-Trưởng nộp cho Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng tờ khai xin tạm trú để xin kiến thị kèm theo thẻ căn-cước của người tạm trú. Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 30 ngày.
- Từ 1 đến 3 tháng : Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai xin tạm trú rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã để xin kiểm nhận, kèm theo thẻ căn-cước của người xin tạm trú tối đa 3 tháng.
- Trên 3 tháng : Người xin tạm trú hoặc phải trở về nguyên quán, hoặc phải xin ghi tên hay lập tờ khai gia-đình nơi cư ngụ mới.

CƯỚC CHỨ : Khi thuê nhận người giúp việc, gia-trưởng cũng phải khai báo theo 1 trong 2 thẻ mức sau đây :

- nếu đương sự giúp việc lâu dài, áp dụng thủ tục khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia-đình (Mục III).
- nếu đương sự giúp việc tạm thời, áp dụng thủ tục khai tạm trú trong gia-đình (Mục III).

IV. - KHAI THAY ĐỔI NƠI CƯ TRÚ :

Khi rời hẳn nơi cư ngụ cũ để đi nơi khác, thì phải khai báo thay đổi nơi cư trú để được ghi tên hay lập tờ khai gia-đình tại nơi cư trú mới. Đương sự xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai thay đổi nơi cư trú rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã kèm theo tờ khai gia-đình (bản mẫu) Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng ghi tên đương sự trong tờ khai gia-đình nơi cư ngụ cũ, kèm nhận tờ khai đổi nơi cư trú rồi giao cho đương sự ; bản cũ nộp vào hồ sơ khai gia-đình tại nơi cư ngụ mới.

V. - BIỆN-PHÁP CHẾ-TÀI :

Gia-Trưởng có trách nhiệm khai báo để cho tờ khai gia-đình lúc nào cũng phù hợp với hiện thực nhận sổ trong gia-đình.

Nếu người nào cố ý che giấu hay khai không thành thật (bị ông kê việc khai gian trá có thể bị truy-tử theo Hình-Luật), sẽ bị phạt vì cảnh, nhiều điều ở Nghị-Định số 33-BNV/Hà, ngày 30-06-1958 của Bộ Nội-Vụ vì không tuân lệnh của nhà cầm quyền hành-khánh, mà theo điều 431 của Bộ Hình Luật nơi ban hành, thì người nào vi phạm Sắc Lệnh và Nghị-Định hợp pháp của nước ngoài thuộc-Chính hay chức-quyền Bồ, Túc, Thi, sẽ bị phạt tù từ 40 ngày đến 60 ngày và theo điều 431 kể tiếp thì, ngoài hình phạt tù, còn phạm sự có thể bị tước quyền lập, bị phạt giam từ 1 đến 10 ngày nữa.

Ông Thi - Ngọc Anis.

133 / Y / 296 Tô Hiến Thành

Quận 10. TP HCM.



60
70

TO Khúc - Minh - Thọ.

ARLINGTON - VA 22204

USA

THO 55 232310C1 04/23/85
NOTIFY SENDER OF NEW ADDRESS
THO MINH KHUC
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM Affidavit of Relationship
PLEASE PRINT OR TYPE

IV 25759

PUT VIETNAMESE NAMES IN VIETNAMESE ORDER

PUT VIETNAMESE NAMES IN VIETNAMESE ORDER

SECTION 1: YOUR PRINCIPAL RELATIVE IN VIETNAM

The head of household in Viet Nam is: TRAN MINH CONG

Your relationship to the head of household is: DAUGHTER

Sex: Male Female

Date of Birth: 4-13-1933 Country of Birth: VIETNAM

Address in Viet Nam: Number 133/7/296 Street TÔ HIẾN THÀNH

Hamlet QUẬN 10 Village/Ward HỒ CHÍ MINH
District Province/City

Other names he/she used in Viet Nam: NONE

Is the head of household married? Yes No

The head of household's exit permit number is: # _____

SECTION 2: INFORMATION ABOUT YOU

Your Name: TRAN MONG KIEU TIEN

Other Names You Have Used: NONE

Your Date of Birth: 09-14-56 Country of Birth: VIETNAM

Your address: Number _____ Street _____
ARLINGTON TEXAS 76013
City State ZIP Code

Voluntary Agency with which you are now working: USCC

Have you filed an Immigrant Visa Petition for the Head of Household? Yes No

Your alien status: Refugee Permanent Resident U.S. citizen

When did you enter the U.S.? mo 9 / day 25 / yr 75 From which country? VIETNAM

Your telephone number: (Home) _____ (Work) _____

Your Alien Registration Number: #A 21 477 670

Your Naturalization Certificate number: # 11699906

USCC CASE NO. 66364

SECTION 3: INFORMATION ABOUT ACCOMPANYING RELATIVES

a. List the other family members who are to come with the head of household to the United States.

NAME	Sex (circle one)	Date of Birth (mo/da/yr)	Country of Birth	Relationship to the Head of Household	Married? (circle one)	Exit Permit Number	Address in Viet Nam
<u>TRAN NGUYEN LOC</u>	<input checked="" type="radio"/> M / <input type="radio"/> F	<u>2-8-68</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>SON</u>	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	#	<u>133/7/296 TÔ HIẾN THÀNH, QUẬN 10, HỒ CHÍ MINH</u>
<u>NGUYEN THI NGOC ANH</u>	M / <input checked="" type="radio"/> F	<u>4/11/51</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>WIFE</u>	<input checked="" type="radio"/> Yes / No	#	<u>SAME AS ABOVE</u>
<u>TRAN MINH LAN PHUONG</u>	M / <input checked="" type="radio"/> F	<u>12/8/71</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>DAUGHTER</u>	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	#	<u>SAME AS ABOVE</u>
<u>TRAN MINH HOAI ANH</u>	M / <input checked="" type="radio"/> F	<u>6/27/73</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>DAUGHTER</u>	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	#	<u>SAME AS ABOVE</u>
<u>TRAN MINH TRAN CHAU</u>	M / <input checked="" type="radio"/> F	<u>7/15/74</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>DAUGHTER</u>	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	#	<u>SAME AS ABOVE</u>
	M / F	/ /			Yes / No	#	
	M / F	/ /			Yes / No	#	

IMPORTANT: List all your relatives, living or dead, including those you put in Section 3. Be sure to include relatives who are already in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>Sex</u> (circle one)	<u>Date of Birth</u> da/mo/yr	<u>Country of Birth</u>	<u>Married?</u>	<u>Address</u> (If deceased, write "Dead")
a. Your spouse (Living or Dead):					
<u>NO</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
b. Your other spouses (Living or Dead):					
<u>NO</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
c. Your Children (Living or Dead):					
<u>NO</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
d. Your Parents (Living or Dead):					
<u>TRAN MINH CONG</u>	<u>(M) / F</u>	<u>4/13/1933</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>(Yes) / No</u>	<u>133/7/296 TO HIEN THANH, QUAN 10, HO CHI MINH</u>
<u>TRAN THI CAM HA</u>	<u>M / (F)</u>	<u>2/25/1935</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes / (No)</u>	<u>SAN ANTONIO, TEXAS 78231</u>

NAME	Sex (circle one)	Date of Birth da/mo/yr	Country of Birth	Married?	Address (If deceased, write "Dead")
------	---------------------	---------------------------	------------------	----------	--

e. Your Brothers/Sisters (Living or Dead):

TRAN MINH MY THUAN	M / <input checked="" type="radio"/> F	11/12/58	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	HOUSTON, TEXAS 77071
TRAN MINH THANG	<input checked="" type="radio"/> M / F	2/25/59	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	AUSTIN, TEXAS 78741
TRAN MINH DANH	<input checked="" type="radio"/> M / F	8/1/62	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
TRAN HOANG VU	<input checked="" type="radio"/> M / F	11/12/63	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
TRAN HOANG VAN	<input checked="" type="radio"/> M / F	8/19/65	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
TRAN NGUYEN LOC	<input checked="" type="radio"/> M / F	2/18/68	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	133/7/296 TO HIEN THANH, QUAN 10, HO CHI MINH
(HALF-SISTER) TRAN MINH LAN PHUONG	M / <input checked="" type="radio"/> F	12/8/71	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
(HALF-SISTER) TRAN MINH HOAI ANH	M / <input checked="" type="radio"/> F	6/27/73	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
(HALF-SISTER) TRAN MINH TRAN CHAU	M / <input checked="" type="radio"/> F	7/15/74	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAME AS ABOVE
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	

f. Other Dependent Relatives Living with the Head of Household in Viet Nam:

Relationship to the Head of Household

TRAN NGUYEN LOC	<input checked="" type="radio"/> M / F	2/18/68	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SON
	M / F	/ /		Yes / No	
NGUYEN THI NGOC ANH	M / <input checked="" type="radio"/> F	4/11/51	VIETNAM	<input checked="" type="radio"/> Yes / No	WIFE
TRAN MINH LAN PHUONG	M / <input checked="" type="radio"/> F	12/8/71	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	DAUGHTER
TRAN MINH HOAI ANH	M / <input checked="" type="radio"/> F	6/27/73	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	DAUGHTER
TRAN MINH TRAN CHAU	M / <input checked="" type="radio"/> F	7/15/74	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	DAUGHTER
	M / F	/ /		Yes / No	

IMPORTANT: List all your relatives, living or dead, including those you put in Section 3. Be sure to include relatives who are already in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>Sex</u> (circle one)	<u>Date of Birth</u> da/mo/yr	<u>Country of Birth</u>	<u>Married?</u>	<u>Address</u> (If deceased, write "Dead")
a. Your spouse (Living or Dead):					
<u>No</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
b. Your other spouses (Living or Dead):					
<u>NO</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
c. Your Children (Living or Dead):					
<u>NO</u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
<u></u>	<u>M / F</u>	<u>/ /</u>	<u></u>	<u>Yes / No</u>	<u></u>
d. Your Parents (Living or Dead):					
<u>TRAN MINH CONG</u>	<u>(M) / F</u>	<u>4/13/1933</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes / No</u>	<u>37/74 PHAT DIEM STREET, HO CHI MINH CITY, SOUTH VIETNAM</u>
<u>HOANG THI CAM HA</u>	<u>M / (F)</u>	<u>2/25/1935</u>	<u>VIETNAM</u>	<u>Yes / (No)</u>	<u>, TEXAS 78228, USA</u>

<u>NAME</u>	<u>Sex</u> (circle one)	<u>Date of Birth</u> da/mo/yr	<u>Country of Birth</u>	<u>Married?</u>	<u>Address</u> (If deceased, write "Dead")
e. Your Brothers/Sisters (Living or Dead):					
TRAN MINH MY THUAN	M / <input checked="" type="radio"/> F	11/12/58	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	HOUSTON, TEXAS 77035, USA
TRAN MINH THANG	<input checked="" type="radio"/> M / F	2/25/59	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	AUSTIN, TEXAS 78751, USA
TRAN MINH DANH	<input checked="" type="radio"/> M / F	8/1/62	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	AUSTIN, TEXAS 78751, USA
TRAN HOANG VU	<input checked="" type="radio"/> M / F	11/12/63	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	AUSTIN, TEXAS 78751, USA
TRAN HOANG VAN	<input checked="" type="radio"/> M / F	8/9/65	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	SAN ANTONIO, TEXAS 78228, USA
TRAN NGUYEN LOC	<input checked="" type="radio"/> M / F	2/8/68	VIETNAM	Yes / <input checked="" type="radio"/> No	37/74 PHAT DIEM STREET, HO CHI MINH CITY, SOUTH VIETNAM
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	

f. Other Dependent Relatives Living with the Head of Household in Viet Nam:					<u>Relationship to the Head of Household</u>
NONE	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	
	M / F	/ /		Yes / No	

SECTION 7:: GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30, 1975

IMPORTANT: If any of your relatives worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military complete this section. TRAN MINH CONG

a. What ministry or military unit? 18th INFANTRY DIVISION

b. Date of separation? ___/day 4/month 75/year Reason for separation: THE VIETCONG TOOK OVER SOUTH VIETNAM

Mo/Yr to Mo/Yr	Place	Title/Rank	Name of Superior	Describe the work performed
<u>173</u> <u>4/75</u>	<u>LONG-KHANH, SOUTH VIETNAM</u>	<u>LEUTENANT COLONEL OF 48th REGIMENT OF 18th INFANTRY DIVISION</u>	<u>GENERAL LE MINH DAO</u>	<u>IN CHARGE OF 48th REGIMENT. RESPONSIBLE FOR THE SAFETY OF LONG KHANH CITY AND ITS SUBURBAN AREAS. CONSULT AND DISCUSS WITH THE U.S. ARMY ABOUT OUR PLANS TO FIGHT OR TO PREVENT ANY POSSIBLE MOVE OF VIETCONG.</u>
<u>171</u> <u>173</u>	<u>BA-XUYEN PROVINCE SOUTH VIETNAM</u>	<u>MAJOR- VICE PROVINCE CHIEF</u>		<u>IN CHARGE OF MILITARY OF BA-XUYEN PROVINCE. RESPONSIBLE FOR THE SAFETY OF PROVINCE AND PROTECT IT FROM THE INVASION OF VIETCONG</u>
<u>168</u> <u>170</u>	<u>LOC-NINH DISTRICT SOUTH VIETNAM</u>	<u>DISTRICT CHIEF</u>		<u>IN CHARGE OF THE MILITARY AND SAFETY OF LOC-NINH DISTRICT</u>

d. List any awards, commendations or medals from the U.S. Government: NONE

e. Was time spent in reeducation? YES NO How long? 6/years 5/months. Still in reeducation? Yes No

f. Any training in the U.S.? YES (Be Sure To Complete SECTION 8) NO

g. Was work done closely with Americans? YES (Give Dates, Names of Places Worked, Location and Describe the Job Relationship to the American)

Mo/yr to Mo/yr	Name	Place	Describe the Job Relationship to the American
<u>173</u> <u>4/75</u>	<u>48th REGIMENT</u>	<u>LONG-KHANH CITY</u>	<u>COMBINED OUR MILITARY FORCES WITH THE U.S. ARMY TO FIGHT VIETCONG</u>
<u>1</u>			

IMPORTANT: Please send COPIES of personnel documents, I.D. cards, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by the Vietnamese government, service in the Vietnamese military, showing the work relationship to americans or verifying reeducation. DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!

SECTION 8: EDUCATION OUTSIDE VIET NAM

IMPORTANT: If any of your relatives or friends were trained or educated outside Viet Nam complete this section. TRAN MINH CONG

b. Explain why the training or schooling was outside Viet Nam? TO LEARN MORE ABOUT THE TECHNIQUE AND MANAGEMENT OF U.S. ARMY

c. Who paid for it? VIETNAMESE GOVERNMENT

d. Give the dates, names, places, and description of the training or schooling:

<u>Mo/yr to</u>	<u>Mo/yr</u>	<u>Name</u>	<u>Place</u>	<u>Describe the Training or Schooling</u>
<u>1/59</u>	<u>12/59</u>	<u>BATTERY OFFICER COURSE</u>	<u>FORT-SILL, OKLAHOMA</u>	
<u>3/63</u>	<u>9/63</u>	<u>CI AND SPECIAL FORCES</u>	<u>FORT-BRAGG, NORTH CAROLINA</u>	
<u>1/66</u>	<u>7/66</u>	<u>ASSOCIATE OFFICER CAREER COURSE #1</u>	<u>FORT BENNING, GEORGIA</u>	

e. List the degrees or training certificates received:

<u>Date Received</u>		<u>Name of School or Training Center</u>	<u>Type of Degree or Certificate</u>	<u>Describe the Degree or Certificate</u>
<u>Month</u>	<u>Year</u>			
<u>12</u>	<u>1 59</u>	<u>BATTERY OFFICER COURSE FORT-SILL, OKLAHOMA</u>	<u>CERTIFICATE</u>	
<u>9</u>	<u>1 63</u>	<u>CI AND SPECIAL FORCES FORT-BRAGG, NORTH CAROLINA</u>	<u>CERTIFICATE</u>	
<u>7</u>	<u>1 66</u>	<u>ASSOCIATE OFFICER CAREER COURSE FORT-BENNING, GEORGIA</u>	<u>CERTIFICATE</u>	

f. Was time spent in reeducation? YES NO How long? 6 /years 5 /months. Still in reeducation? Yes No

IMPORTANT: Please send copies of any certificate or papers pertaining to training or schooling outside Viet Nam or verifying reeducation.
DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!

SECTION 9: COMMENTS AND REMARKS

MY FATHER, TRAN MINH CONG, HAD BEEN WORKING WITH THE VIETNAMESE MILITARY FOR OVER 20 YEARS, MOSTLY AT THE FRONT-LINE AND IN THE COMBATS, EVEN ON APRIL 1975 HE WAS STILL FIGHTING WITH THE VIETCONG AT LONG-KHANH CITY, SUBURBAN OF SAIGON, AND DIDNOT HAVE TIME TO GET OUT WITH US. HE WAS CAUGHT AND WAS IN THE RE-EDUCATION CAMP OF VIETCONG IN MAY 1975. THEN IN 1976, HE WAS MOVED TO ANOTHER RE-EDUCATION CAMP IN NORTH VIETNAM UNTIL NOW. PLEASE, HELP MY FATHER TO GET OUT OF VIETNAM. HE HAD BEEN IN UNITED STATES THREE TIMES AND HE SPOKE ENGLISH VERY GOOD.

SECTION 10: ATTESTATION

a. I affirm that all information provided in this affidavit is true and understand that any false statement could prevent my relatives from coming to the United States.

9/29/81
Date

Tien Tran
Signature of Applicant

SEAL OF NOTARY PUBLIC

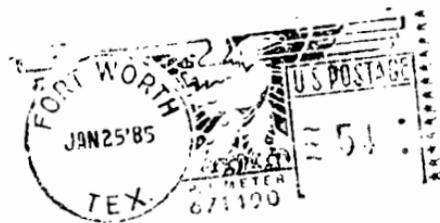
Subscribed and sworn before me on
this 29th day of September 1981

9.29.81
Date

Martha L. Grand
Signature Notary Public

TIEN TRAN

Arlington, Texas 76010



TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

CONTROL

Card
 (Doc. Request; Form) 2/27/88
 Release Order
 Computer 11-26-88
 Form 'D'
 ODP/Date _____
 Membership; Letter